



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN  
DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Phan Từ Giang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên
Ông Lê Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Lê Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lưu Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2015)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thảo luận và đại diện cho Ban Giám đốc, **NO**

  
Lê Văn Hùng  
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 7 năm 2015

Số: 063 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 7 năm 2015, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính"). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



*[Signature]*  
Võ Đình Hòa  
Chức Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 17 tháng 7 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1178-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.926.099.661.491</b>	<b>1.728.208.585.237</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>330.684.538.223</b>	<b>1.013.571.500.908</b>
1. Tiền	111		330.684.538.223	721.151.500.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	292.420.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>856.647.287.590</b>	<b>523.723.091.967</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.651.504.781	46.347.231.689
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	465.733.204.339	396.659.688.842
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	329.435.401.010	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	40.814.222.870	80.703.216.846
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.954.590	12.954.590
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>703.518.105.927</b>	<b>188.153.143.116</b>
1. Hàng tồn kho	141		703.518.105.927	188.153.143.116
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>35.249.729.751</b>	<b>2.760.849.246</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.132.962.909	2.613.051.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.533.648.615	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	11.583.118.227	147.797.706
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>753.153.276.537</b>	<b>825.445.756.432</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>611.957.692.733</b>	<b>681.067.142.108</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	608.351.431.288	675.500.162.632
- Nguyên giá	222		1.274.531.300.532	1.270.600.105.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(666.179.869.244)	(595.099.943.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	3.606.261.445	5.566.979.476
- Nguyên giá	228		41.132.298.145	41.132.298.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.526.036.700)	(35.565.318.669)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.089.971.250</b>	<b>4.089.971.250</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	4.089.971.250	4.089.971.250
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>137.105.612.554</b>	<b>140.288.643.074</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	132.222.993.365	134.951.849.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	4.882.619.189	5.336.793.547
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.679.252.938.028</b>	<b>2.553.654.341.669</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

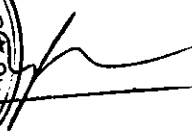
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.236.113.243.224</b>	<b>2.129.411.040.597</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.564.104.579.077</b>	<b>1.418.518.634.250</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	163.501.302.401	113.841.943.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	211.086.067.725	211.068.967.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	668.114.488	33.216.442.758
4. Phải trả người lao động	314		10.958.833.385	10.374.113.848
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	64.890.633.377	70.566.600.192
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	9	-	418.116.435.521
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	25.780.047.316	61.294.069.986
8. Vay ngắn hạn	320	22	1.084.534.010.789	497.272.490.713
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.685.569.596	2.767.569.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>672.008.664.147</b>	<b>710.892.406.347</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	19	46.904.215.050	46.904.215.050
2. Vay dài hạn	338	23	625.104.449.097	663.988.191.297
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>443.139.694.804</b>	<b>424.243.301.072</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>441.713.557.775</b>	<b>421.776.250.374</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lỗ lũy kế	421		(155.782.033.688)	(175.719.341.089)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(175.719.341.089)	(195.917.007.073)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		19.937.307.401	20.197.665.984
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.426.137.029</b>	<b>2.467.050.698</b>
1. Nguồn kinh phí	431		913.634.286	913.634.286
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		512.502.743	1.553.416.412
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.679.252.938.028</b>	<b>2.553.654.341.669</b>

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Hùng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 17 tháng 7 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

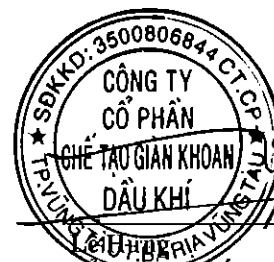
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		783.133.377.613	333.234.715.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.654.801.189
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	27	783.133.377.613	331.579.914.442
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	28	710.090.095.015	291.442.260.630
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		73.043.282.598	40.137.653.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.081.909.074	9.214.864.940
7. Chi phí tài chính	22	31	41.968.169.160	32.671.724.951
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.201.119.015	31.714.656.273
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	14.589.145.446	14.176.375.123
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		21.567.877.066	2.504.418.678
10. Thu nhập khác	31		577.882.743	209.810.261
11. Chi phí khác	32		1.754.278.050	11.446.313.908
12. Lỗ khác (40=31-32)	40	33	(1.176.395.307)	(11.236.503.647)
13. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50=30+40)	50		20.391.481.759	(8.732.084.969)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	454.174.358	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế (60=50-51-52)	60		<u>19.937.307.401</u>	<u>(8.732.084.969)</u>
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	35	<u>335</u>	<u>(147)</u>

Nguyễn Phương Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quang  
Kê toán trưởng



Tổng Giám đốc  
Ngày 17 tháng 7 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất


Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	20.391.481.759	(8.732.084.969)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	72.015.963.128	71.758.434.464
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	12.194.862.392	584.588.106
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.161.828.630)	(8.220.338.723)
Chi phí lãi vay	06	28.201.119.015	31.714.656.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	130.641.597.664	87.105.255.151
Biến động các khoản phải thu	09	(381.519.380.556)	(85.219.636.137)
Biến động hàng tồn kho	10	(515.364.962.811)	(79.528.700.188)
Biến động các khoản phải trả	11	(429.546.880.370)	78.053.511.183
Biến động chi phí trả trước	12	2.192.712.154	1.101.955.590
Chi phí lãi vay	14	(36.870.683.668)	(23.061.800.756)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	41.314.237.641	474.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.768.310.493)	(4.023.141.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.213.921.670.439)	(25.098.557.146)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(7.492.195.910)	(18.563.999.917)
2. Thu lãi tiền gửi	27	2.161.828.630	8.803.672.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.330.367.280)	(9.760.327.861)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	822.607.525.270	12.284.136.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(285.924.356.669)	-
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(507.279.400)	(224.279.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	536.175.889.201	12.059.856.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(683.076.148.518)	(22.799.028.607)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.013.571.500.908	766.437.653.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	189.185.833	306.905.531
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	330.684.538.223	743.945.530.627

  
 Nguyễn Phương Hương  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 17 tháng 7 năm 2015



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500806844 ngày 09 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 715 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 719 nhân viên).

##### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 không so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Khác	3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính và phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị san lấp mặt bằng và công cụ, dụng cụ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên 1 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.819.469.580	3.054.338.539
Tiền gửi ngân hàng	307.632.495.657	718.097.162.369
Tiền đang chuyển	21.232.572.986	-
Các khoản tương đương tiền	-	292.420.000.000
	<u><u>330.684.538.223</u></u>	<u><u>1.013.571.500.908</u></u>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	2.839.056.000	37.434.060.682
Công ty Cổ phần Hàng hải Semco Việt Nam	7.475.447.458	254.826.000
UMW Offshore Drilling SDN BHD	3.698.164.067	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.638.837.256	8.658.345.007
	<u><u>20.651.504.781</u></u>	<u><u>46.347.231.689</u></u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu Tư 2A	10.394.102.022	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Nội Thất Vina	7.651.594.039	-
Fluid Systems, Inc.	18.531.480.504	8.437.060
National Oilwell Varco L.P.638	342.570.638.452	309.468.285.000
Loadmaster Derrick & Equipment Inc	31.551.034.804	-
S-ONE M&O Co., Ltd.	10.916.662.255	7.012.640.000
PH Hydraulics & Engineering Pte Ltd	12.515.586.000	4.238.124.000
Italgru S.R.L	-	16.865.640.000
Jackup Structures Alliance, Inc.	2.409.788.543	39.132.004.214
Nhà cung cấp khác	29.192.317.720	19.934.558.568
	<u><u>465.733.204.339</u></u>	<u><u>396.659.688.842</u></u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện các khoản trả trước đối với Hợp đồng mua thiết bị phục vụ cho Dự án Tam Đảo 05 của Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. PHẢI THU/PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	329.435.401.010	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	418.116.435.521
	<u>329.435.401.010</u>	<u>418.116.435.521</u>
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	1.616.554.339.180	869.002.502.649
Trừ: số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	<u>1.287.118.938.170</u>	<u>1.287.118.938.170</u>
	<u>329.435.401.010</u>	<u>(418.116.435.521)</u>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu người lao động	2.634.120.635	3.110.838.719
Ký cược, ký quỹ	20.000.000.000	36.591.902.968
Phải thu khác		
- Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) - Chi nhánh Vũng Tàu	109.565.021	20.993.569.199
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (*)	15.690.145.090	16.172.060.520
- Đối tượng khác	<u>2.380.392.124</u>	<u>3.834.845.440</u>
	<u>40.814.222.870</u>	<u>80.703.216.846</u>

(\*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản cổ tức Công ty đã chuyển cho PSI nhưng PSI chưa thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

**10. PHẢI THU QUÁ HẠN**

	30/6/2015			31/12/2014		
	VND	VND	Đối tượng nợ	VND	VND	Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.598.381.778	1.598.381.778	Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	1.579.742.000	1.579.742.000	Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng di động	437.480.226.560	-	13.525.927.987	-
Nguyên liệu, vật liệu	259.892.786.536	-	167.267.280.981	-
Công cụ và dụng cụ	6.145.092.831	-	7.359.934.148	-
	<u>703.518.105.927</u>	<u>-</u>	<u>188.153.143.116</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.231.046.674	2.255.329.507
Các khoản khác	1.901.916.235	357.722.033
	<u>3.132.962.909</u>	<u>2.613.051.540</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	127.884.623.617	128.813.572.156
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.292.595.632	3.943.711.123
Các khoản khác	2.045.774.116	2.194.566.248
	<u>132.222.993.365</u>	<u>134.951.849.527</u>

(\*) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích 39,8 ha theo Hợp đồng thuê số CN0107001/HDKT – PVSĐ ngày 06 tháng 12 năm 2007 đã ký kết với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê tính từ khi hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong	Số đã thực nộp	30/6/2015
	VND	kỳ	trong kỳ	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	92.576.415	92.576.415
Thuế nhập khẩu	147.797.706	11.759.723.029	18.553.310.854	6.941.385.531
Thuế nhà thầu	-	11.637.998.351	16.187.154.632	4.549.156.281
	<u>147.797.706</u>	<u>23.397.721.380</u>	<u>34.833.041.901</u>	<u>11.583.118.227</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	31.015.055.792	-	31.015.055.792	-
Thuế thu nhập cá nhân	474.430.936	4.719.363.795	4.525.680.243	668.114.488
Thuế nhà thầu	1.726.956.030	-	1.726.956.030	-
	<u>33.216.442.758</u>	<u>4.719.363.795</u>	<u>37.267.692.065</u>	<u>668.114.488</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**  
65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Bình,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2015	737.423.602.480	114.542.188.634	397.256.138.844	9.265.359.411	3.850.699.617	8.262.116.763	1.270.600.105.749
Tăng trong kỳ	-	3.639.579.983	260.785.000	30.829.800	-	-	3.931.194.783
Tại ngày 30/6/2015	737.423.602.480	118.181.768.617	397.516.923.844	9.296.189.211	3.850.699.617	8.262.116.763	1.274.531.300.532
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2015	355.301.683.452	68.211.588.552	152.127.827.929	8.048.306.369	3.256.403.363	8.154.133.452	595.099.943.117
Khấu hao trong kỳ	44.913.507.397	8.419.403.378	17.151.420.588	509.200.560	65.560.872	20.833.332	71.079.926.127
Tại ngày 30/6/2015	400.215.190.849	76.630.991.930	169.279.248.517	8.557.506.929	3.321.964.235	8.174.966.784	666.179.869.244
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 30/6/2015	337.208.411.631	41.550.776.687	228.237.675.327	738.682.282	528.735.382	87.149.979	608.351.431.288
Tại ngày 31/12/2014	382.121.919.028	46.330.600.082	245.128.310.915	1.217.053.042	594.296.254	107.983.311	675.500.162.632

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31.583.156.011 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.273.489.965 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm hình thành từ nguồn kinh		Tổng VND
	Phân mềm vi tính VND	phí sự nghiệp VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	17.966.543.935	23.165.754.210	41.132.298.145
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	13.358.684.617	22.206.634.052	35.565.318.669
Khấu hao trong kỳ	1.001.597.873	959.120.158	1.960.718.031
Tại ngày 30/6/2015	14.360.282.490	23.165.754.210	37.526.036.700
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2015	3.606.261.445	-	3.606.261.445
Tại ngày 31/12/2014	4.607.859.318	959.120.158	5.566.979.476

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 35.269.773.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 28.880.566.575 đồng).

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Chế tạo bản Slab	1.735.085.021	1.735.085.021
Chế tạo khung vận chuyển Block	947.303.324	947.303.324
Chế tạo bồn ASME	615.084.268	615.084.268
Công trình khác	792.498.637	792.498.637
	<b>4.089.971.250</b>	<b>4.089.971.250</b>

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ này:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Các khoản lỗ tính thuế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	(11.926.165)	5.348.719.712	5.336.793.547
Ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ trong kỳ	(30.071.215)	(424.103.143)	(454.174.358)
Tại ngày 30/6/2015	<b>(41.997.380)</b>	<b>4.924.616.569</b>	<b>4.882.619.189</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 127.999.606.981 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 148.434.861.806 đồng) có thể được dùng để khấu trừ các khoản lợi nhuận trong tương lai. Trong đó:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế 24.623.082.843 đồng với mức thuế suất 20% vì Công ty tin tưởng khả năng có lợi nhuận trong tương lai để có thể khấu trừ cho khoản lỗ này. Khoản lợi nhuận dự kiến phát sinh từ dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05.

Công ty không ghi nhận thuế hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế từ hoạt động khác là 103.376.524.138 đồng vì không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kết chuyển trong thời gian 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ hết hạn vào năm 2018.

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CMR (Far East) Pte Ltd	26.782.239.120	26.782.239.120	-	-
Lenn International Pte Ltd	15.678.409.874	15.678.409.874	-	-
Semco Maritime Pte Ltd	8.517.600.000	8.517.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	7.368.139.203	7.368.139.203	-	-
Công ty Cổ phần CAC	5.527.329.378	5.527.329.378	-	-
Velocity Energy Pte Ltd	6.021.302.196	6.021.302.196	9.067.663.549	9.067.663.549
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	1.609.254.000	1.609.254.000	7.654.299.400	7.654.299.400
Công ty Cổ phần Litama 18	3.331.657.377	3.331.657.377	6.073.864.720	6.073.864.720
Công ty TNHH Chiến Hưng	917.085.523	917.085.523	6.336.970.444	6.336.970.444
Sterom 2SA	-	-	9.646.172.241	9.646.172.241
Airtrade Systems Pte Ltd	3.680.040.000	3.680.040.000	-	-
Louisiana machinery Company LLC	6.038.555.141	6.038.555.141	-	-
Italgru S.R.L	22.842.499.680	22.842.499.680	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	55.187.190.909	55.187.190.909	75.062.973.557	75.062.973.557
	<b>163.501.302.401</b>	<b>163.501.302.401</b>	<b>113.841.943.911</b>	<b>113.841.943.911</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN/ DÀI HẠN**

Trong năm 2013, Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro ("Vietsovetro") tạm ứng 10% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận trên Hợp đồng số 885/13/T-N4/KB-PVShipyards ngày 29 tháng 11 năm 2013 liên quan đến dự án xây dựng giàn khoan Tam Đảo 05 được ký kết giữa Công ty và Vietsovetro. Khoản tạm ứng này được cần trừ dần vào các lần thanh toán kế tiếp theo quy định cụ thể trên hợp đồng. Số dư người mua trả tiền trước tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện số tiền tạm ứng còn lại của Vietsovetro chưa được cần trừ. Khoản người mua trả tiền trước sẽ được cần trừ hết vào năm 2016, khi dự án Tam Đảo 05 hoàn thành.

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
		VND		VND
Chi phí lãi vay		52.124.590.124		60.794.154.777
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2)		7.018.078.517		7.018.078.517
Chi phí nhân công thuê ngoài		3.304.658.881		-
Chi phí khác		2.443.305.855		2.754.366.898
		<b>64.890.633.377</b>		<b>70.566.600.192</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả cổ tức	19.966.394.800	20.473.674.200
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	35.016.871.164
Phải trả khác	5.813.652.516	5.803.524.622
	<u>25.780.047.316</u>	<u>61.294.069.986</u>

**22. VAY NGẮN HẠN**

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Vay ngắn hạn	955.955.659.314	955.955.659.314	822.607.525.270	203.352.098.869	336.700.232.913	336.700.232.913
Nợ dài hạn tới hạn phải trả (Thuyết minh số 23)	116.883.742.200	116.883.742.200	38.883.742.200	82.572.257.800	160.572.257.800	160.572.257.800
Chênh lệch tỷ giá	11.694.609.275	11.694.609.275	11.694.609.275	-	-	-
	<u>1.084.534.010.789</u>	<u>1.084.534.010.789</u>	<u>873.185.876.745</u>	<u>285.924.356.669</u>	<u>497.272.490.713</u>	<u>497.272.490.713</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng sau:

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 65/2014 ngày 26 tháng 9 năm 2014 với hạn mức tín dụng tương đương 750.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Vũng Tàu, đáo hạn trong vòng 9 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05 và chịu lãi suất trong hạn là 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 003/2015/HĐHM-PN/SHB.130800 ký kết trong tháng 01 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 Đô la Mỹ. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

- Vay ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 2%/năm, tiền lãi được thanh toán hàng tháng. Đây là khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT908-PVShipyard ký kết trong tháng 3 năm 2015 và phụ lục hợp đồng với hạn mức tín dụng tương đương 970.000.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng dùng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán thư tín dụng để phục vụ hợp đồng đóng mới giàn khoan Tam Đảo 05. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VAY DÀI HẠN**

	30/6/2015		Trong kỳ		31/12/2014	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	625.104.449.097	625.104.449.097	116.257.800	39.000.000.000	663.988.191.297	663.988.191.297

Vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là "PVComBank") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 17 tháng 5 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD. Khoản vay này là khoản vay tín chấp và đã được giải ngân hết trong năm 2011.

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD ngày 18 tháng 3 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 06 tháng 4 năm 2012. Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng trong năm 2011 và 30.363.179.097 đồng trong năm 2012.

Ngày 09 tháng 5 năm 2013, Công ty và PVComBank đã ký hai Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Hai khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng 100% lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VietcomBank") tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí ủy thác (0,15%/năm).

Ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty và PVComBank đã ký bổ sung phụ lục của hai hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD. Theo đó, khoản nợ đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được trả vào năm 2015, khoản nợ gốc còn lại sẽ được trả trong 19 kỳ (6 tháng một lần) bắt đầu từ ngày 30 tháng 6 năm 2015 tới ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	117.000.000.000	160.572.257.800
Trong năm thứ hai	78.000.000.000	78.116.257.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	234.000.000.000	234.348.773.400
Sau năm năm	313.104.449.097	351.523.160.097
	<b>742.104.449.097</b>	<b>824.560.449.097</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại Thuyết minh số 22)	(117.000.000.000)	(160.572.257.800)
Số phải trả sau 12 tháng	<b>625.104.449.097</b>	<b>663.988.191.297</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	594.897.870.000	2.597.721.463	(195.917.007.073)	401.578.584.390
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.197.665.984	20.197.665.984
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(175.719.341.089)</u>	<u>421.776.250.374</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.937.307.401	19.937.307.401
Số dư tại ngày 30/6/2015	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>(155.782.033.688)</u>	<u>441.713.557.775</u>

**Cổ phần**

	30/6/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông và vốn cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2015 và 31/12/2014		
	%	Số cổ phần	Vốn đã góp (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28,75	17.105.643	171.056.430.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7,53	4.479.257	44.792.570.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3,63	2.161.300	21.613.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4,03	2.400.000	24.000.000.000
Các cổ đông khác	52,03	30.943.587	30.943.587.000
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>	<u>594.897.870.000</u>

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ</i>	1.040.355,15	11.747.504,69
<i>Đồng Euro</i>	322,94	1.084,56

**26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong kỳ hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**27. DOANH THU THUẬN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	747.551.836.531	247.082.224.188
Hợp đồng sửa chữa khác	29.542.329.529	79.163.775.132
Dịch vụ khác	6.039.211.553	6.988.716.311
	<u>783.133.377.613</u>	<u>333.234.715.631</u>
Giảm trừ doanh thu - Giảm giá dịch vụ cung cấp	-	(1.654.801.189)
	<u><u>783.133.377.613</u></u>	<u><u>331.579.914.442</u></u>

**28. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	692.177.626.417	228.779.837.211
Hợp đồng sửa chữa khác	17.794.985.342	57.678.862.401
Dịch vụ khác	117.483.256	4.983.561.018
	<u>710.090.095.015</u>	<u>291.442.260.630</u>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	418.368.882.386	69.081.063.582
Chi phí nhân công	88.288.304.889	83.152.213.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.015.963.128	71.758.434.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.912.796.815	85.412.168.158
Chi phí khác	7.093.293.243	7.557.585.766
	<u>724.679.240.461</u>	<u>316.961.465.102</u>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lãi tiền gửi	2.161.828.630	8.220.338.723
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.920.080.444	994.526.217
	<u>5.081.909.074</u>	<u>9.214.864.940</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	28.201.119.015	31.714.656.273
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.767.050.145	957.068.678
	<u>41.968.169.160</u>	<u>32.671.724.951</u>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lương	12.085.772.387	12.125.545.442
Chi phí khác	2.503.373.059	2.050.829.681
	<u>14.589.145.446</u>	<u>14.176.375.123</u>

**33. LỖ KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập khác	577.882.743	209.810.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	7.698.962.004
Chi phí khác	1.754.278.050	3.747.351.904
Chi phí khác	1.754.278.050	11.446.313.908
Lỗ khác	<u>(1.176.395.307)</u>	<u>(11.236.503.647)</u>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(30.071.215)	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(424.103.143)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	<u>(454.174.358)</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất thông thường cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất thông thường theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường trên lợi nhuận tính thuế của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không trích thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

**35. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.937.307.401	(8.732.084.969)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	59.489.787	59.489.787
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>335</u>	<u>(147)</u>

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 và số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, vốn khác của chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.709.638.459.886	1.161.260.682.010
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	330.684.538.223	1.013.571.500.908
Nợ thuần	1.378.953.921.663	147.689.181.102
Vốn chủ sở hữu	441.713.557.775	421.776.250.374
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,12</u>	<u>0,35</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.684.538.223	1.013.571.500.908
Phải thu khách hàng và phải thu khác	368.267.008.026	87.347.706.848
Ký quỹ	20.000.000.000	36.591.902.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>718.951.546.249</b>	<b>1.137.511.110.724</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	188.304.926.079	174.673.911.655
Các khoản vay	1.709.638.459.886	1.161.260.682.010
Chi phí phải trả	64.890.633.377	70.566.600.192
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.962.834.019.342</b>	<b>1.406.501.193.857</b>

Công ty chưa đánh giá [chưa xác định được] giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DÀU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	26.358.156.653	248.497.132.428	1.074.442.757.825	368.440.460.140
Đô la Singapore (SGD)	-	-	25.903.242	-
Đồng Euro (EUR)	7.834.825	27.702.222	-	20.522.547.714

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ, đồng Euro và đồng Đô la Singapore.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	
	VND		VND	
	Tăng 2%	Giảm 2%	Tăng 2%	Giảm 2%
Đô la Mỹ (USD)	(20.961.692.023)	20.961.692.023	489.659.934	(489.659.934)
Đô la Singapore (SGD)	(518.065)	518.065	-	-
Đồng Euro (EUR)	156.697	(156.697)	(30.826.536)	30.826.536

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

30/6/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.684.538.223	-	-	330.684.538.223
Phải thu khách hàng và phải thu khác	368.267.008.026	-	-	368.267.008.026
Các khoản ký quỹ	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>718.951.546.249</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>718.951.546.249</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	188.304.926.079	-	-	188.304.926.079
Các khoản vay và lãi	1.084.534.010.789	312.000.000.000	313.104.449.097	1.709.638.459.886
Chi phí phải trả	64.890.633.377	-	-	64.890.633.377
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.337.729.570.245</b>	<b>312.000.000.000</b>	<b>313.104.449.097</b>	<b>1.962.834.019.342</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(618.778.023.996)</b>	<b>(312.000.000.000)</b>	<b>(313.104.449.097)</b>	<b>(1.243.882.473.093)</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Sau 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.013.571.500.908	-	-	1.013.571.500.908
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.347.706.848	-	-	87.347.706.848
Các khoản ký quỹ	36.591.902.968	-	-	36.591.902.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.137.511.110.724</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.137.511.110.724</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	174.673.911.655	-	-	174.673.911.655
Các khoản vay và lãi	497.272.490.713	312.465.031.200	351.523.160.097	1.161.260.682.010
Chi phí phải trả	70.566.600.192	-	-	70.566.600.192
<b>Tổng cộng</b>	<b>742.513.002.560</b>	<b>312.465.031.200</b>	<b>351.523.160.097</b>	<b>1.406.501.193.857</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>394.998.108.164</b>	<b>(312.465.031.200)</b>	<b>(351.523.160.097)</b>	<b>(268.990.083.133)</b>

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ các khoản vay ngắn hạn từ các Ngân hàng thương mại, được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ dự án Tam Đảo 05 phát sinh trong năm 2015 và 2016, và các khoản nợ dài hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam) với thời hạn trả nợ dài hạn đến năm 2024 và được hoàn trả trên cơ sở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm sau nên Công ty đánh giá mức rủi ro tính thanh khoản thuần ở mức độ thấp.

**37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí    Cổ đông lớn  
Việt Nam

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Lương và thưởng	1.791.997.703	2.500.103.746

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm 3.561.001.127 đồng (6 tháng đầu năm 2014 là 0 đồng), là số tiền mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh kỳ trước đã được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm khoản tiền 28.201.119.015 đồng (6 tháng đầu năm 2014 là 31.714.656.273 đồng) là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ mà chưa thanh toán. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.


**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	41.000.475.159	39.702.741.687	80.703.216.846
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	12.954.590	12.954.590
Tài sản ngắn hạn khác	150	42.476.545.523	(39.715.696.277)	2.760.849.246
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	257.973.182.775	(46.904.215.050)	211.068.967.725
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	46.904.215.050	46.904.215.050

  
Nguyễn Phương Hương  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Quang  
Kê toán trưởng

  
Ban Giám đốc  
Ngày 17 tháng 7 năm 2015